

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
HÀNG HÓA SÀI GÒN
SAIGON CARGO SERVICE
CORPORATION**

No.: SCSC26/HSX/CBTT/341

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Liberty - Happiness**

TP.HCM, ngày 16 tháng 06 năm 2026
Ho Chi Minh City, June 16th, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAODINARY INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: Ho Chi Minh Stock Exchange**

1. Tên tổ chức/ *Name of organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN/
SAIGON CARGO SERVICE CORPORATION

- Mã chứng khoán/ Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code*: SCS
- Địa chỉ: 30 Phan Thúc Duyện, phường Tân Sơn Nhất, TP. Hồ Chí Minh
Address: 30 Phan Thuc Duyen Street, Tan Son Nhat Ward, Ho Chi Minh City
- Điện thoại liên hệ/ *Tel.*: 028 3997 6930
- E-mail: info@scsc.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure*:

- Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động 2026.
- *Report on the results of share issuance under the Employee stock ownership plan 2026.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 16/06/2026 tại đường dẫn <https://www.scsc.vn> / *This information was published on the company's website on June 16, 2026, as in the link <https://www.scsc.vn>*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/ *Attached documents*:

- Báo cáo kết quả phát hành ESOP 2026
Report on the results of share issuance under the ESOP 2026

**Đại diện tổ chức
Organization representative**
Người được ủy quyền CBTT
Person authorized to disclose information



Phạm Quang Hải

Số: SCSC26/UBCK/BC/340

Tp.HCM, ngày 16 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn
- Tên viết tắt: SCSC CORP.
- Địa chỉ trụ sở chính: 30 Phan Thúc Duyệt, Phường Tân Sơn Nhất, TP Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (028) 3997 6930 - Fax: (028) 3997 6840 - Website: <https://www.scsc.vn>
- Vốn điều lệ: 1.020.769.820.000 đồng.
- Mã cổ phiếu: SCS
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) – Chi nhánh 2
Số hiệu tài khoản: 116002870018
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305654014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/04/2008, cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 10/05/2024
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Bốc xếp hàng hóa (chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp hàng hóa) – Mã ngành 5224.
 - Sản phẩm/dịch vụ chính: Dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp hàng hóa.
- Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành): Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 41121000112 do Ủy ban Nhân dân TP.HCM cấp lần đầu ngày 20/04/2009.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phiếu trước thời điểm phát hành:
 - Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 102.076.982 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 102.076.982 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.



4. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.020.700 cổ phiếu, tương ứng 1,0% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành.
5. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động sẽ bị hạn chế chuyển nhượng như sau:
 - Năm 1 (trong vòng 12 tháng kể từ ngày kết thúc đợt phát hành): Hạn chế chuyển nhượng 100% số cổ phiếu đã phát hành;
 - Năm 2 (trong vòng 12 tháng tiếp theo): Hạn chế chuyển nhượng 50% số cổ phiếu đã phát hành.
6. Giá phát hành (trường hợp bán cổ phiếu cho người lao động): 10.000 đồng/cổ phiếu.
7. Nguồn vốn phát hành (trường hợp phát hành cổ phiếu thường cho người lao động): Không.
8. Ngày kết thúc đợt phát hành: 12/06/2026.
9. Ngày dự kiến chuyển giao cổ phiếu: Dự kiến trong tháng 06 – 07/2026, sau khi Công ty hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM.

III. KẾT QUẢ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

1. Số cổ phiếu đã phân phối: 1.020.700 cổ phiếu, tương ứng 100% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành.
2. Số người lao động được phân phối: 165 người.
3. Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành (ngày 12/06/2026): 103.097.682 cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 103.097.682 cổ phiếu;
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

IV. TÀI LIỆU GỬI KÈM

1. Danh sách người lao động tham gia chương trình;
2. Nghị quyết Hội đồng quản trị số SCSC26/HĐQT/NQ/05 ngày 15/06/2026 thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2026;
3. Văn bản xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt phát hành;
4. Tài liệu khác.

CTCP DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Khánh

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH ESOP NĂM 2026

(Đính kèm Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
trong công ty số SCSC26/UBCK/BC/340 ký ngày 16/06/2026)

STT	Họ tên	Chức vụ / Đơn vị công tác	SLCP đã phát hành
A	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC		200.000
1	BÙI THỊ THU HƯƠNG	Chủ tịch HĐQT	29.500
2	TẠ THU HÀ	Thành viên HĐQT	24.200
3	MAI XUÂN CẢNH	Thành viên HĐQT	24.200
4	CHU TRUNG KIÊN	Thành viên HĐQT	24.200
5	NGUYỄN NGỌC QUÝ	Thành viên HĐQT	24.200
6	ĐOÀN NGỌC CƯƠNG	Thành viên HĐQT	24.200
7	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	49.500
B	BAN KIỂM SOÁT		40.000
8	VŨ THỊ HOÀNG BẮC	Trưởng ban BKS	16.600
9	KHOA NĂNG LƯU	Thành viên BKS	11.700
10	TRƯƠNG MINH SANG	Thành viên BKS	11.700
C	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG		97.000
11	TÔ HIỂN PHƯỢNG	Phó Tổng Giám đốc	33.700
12	NGUYỄN THÁI SƠN	Phó Tổng Giám đốc	33.700
13	NGÔ THỊ ANH THƯ	Kế toán trưởng	29.600
D	THƯ KÝ HĐQT VÀ CÁC QUẢN LÝ CẤP PHÒNG / QUẢN LÝ CẤP TRUNG		260.000
14	NGUYỄN HOÀNH HẢI	Trưởng phòng Quản lý thiết bị	25.400
15	PHẠM QUANG HẢI	Trưởng phòng Tổng hợp Thư ký HĐQT	30.300
16	NGUYỄN HUỖNH QUYÊN	Phó phòng Tổng hợp	23.400
17	DƯƠNG DUY MINH	Trưởng phòng Công nghệ thông tin	25.200
18	HUỖNH HỮU HIỀN	Trưởng phòng Tiếp vận	27.300
19	NGUYỄN DUY CHÂU	Trưởng phòng Kỹ thuật	25.400
20	NGÔ TRỊNH KIẾN KHIÊM	Phó phòng Khai thác	24.900
21	MAI HỮU DUY THỨC	Trưởng phòng Khai thác	29.800
22	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Phó phòng phụ trách An ninh an toàn	23.400
23	NHIÊU TRIỀU NAM	Trưởng phòng Đào tạo & Quy chuẩn/ANAT	24.900
E	CÁC QUẢN LÝ CẤP CƠ SỞ / QUẢN LÝ CẤP ĐƠN VỊ		327.000
24	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	Trưởng bộ phận Kế toán tổng hợp	6.400
25	NGUYỄN THỊ HÒA	Trưởng bộ phận Kế toán thuế	6.400
26	NGUYỄN NGỌC KHƯƠNG	Trưởng bộ phận Ga Quốc nội	7.400
27	LÊ UYÊN PHƯƠNG	Trưởng bộ phận thủ tục Hải Quan	7.400
28	HUỖNH VĂN TƯ	Trưởng bộ phận Điện - Điện lạnh	6.400
29	HUỖNH ĐĂNG KHOA	Trưởng bộ phận hàng xuất	7.800
30	PHẠM NGỌC THIÊN	Trưởng bộ phận hàng xuất	7.800
31	NINH ĐỨC THUẬN	Phó bộ phận hàng xuất	5.600
32	NGUYỄN HỮU HIẾU	Trưởng bộ phận hàng nhập	7.300
33	DƯƠNG DUY KIÊN	Phó bộ phận hàng nhập	5.300
34	ĐỖ MINH QUẢNG	Trưởng bộ phận hàng nhập	7.800
35	CHU QUỐC TRUNG	Trưởng bộ phận Ramp	7.800
36	HUỖNH QUANG VINH	Trưởng bộ phận ANAT - kiêm CT Công đoàn	6.600
37	NGUYỄN VĂN DŨNG	Phó bộ phận QLCL	5.900
38	LÊ CHIÊU	Tổ trưởng thủ tục Hải Quan	4.100
39	TRẦN THỊ THU HÀ	Tổ trưởng tổ tài liệu chứng từ	4.300
40	BÙI ĐỨC CƯỜNG	Tổ trưởng tổ hiện trường	4.300

STT	Họ tên	Chức vụ / Đơn vị công tác	SLCP đã phát hành
41	NGUYỄN CHÍ MINH	Tổ trưởng tổ hàng đặc biệt	4.100
42	NGUYỄN THỊ LÀN	Tổ trưởng tổ tài liệu hàng xuất	4.600
43	VŨ SON HẢI	Tổ trưởng tổ hiện trường hàng xuất	4.600
44	KHƯƠNG THÚY KIỀU	Tổ trưởng tổ tài liệu hàng nhập và phục vụ khách hàng	4.100
45	ĐỖ TRỌNG HOÀNG	Tổ trưởng tổ hiện trường hàng nhập	4.300
46	TRẦN NGỌC MINH	Tổ trưởng tổ nghiệp vụ sân đỗ (Ramp)	4.600
47	TRẦN THU TRANG	Tổ trưởng tổ thương vụ	4.600
48	TRẦN PHẠM THU NGUYỆT	Tổ phó tổ tài liệu chứng từ	3.800
49	TRẦN HỮU PHƯỚC	Tổ phó tổ tài liệu chứng từ	3.500
50	PHẠM QUANG HUY	Tổ phó tổ hiện trường	4.100
51	NGUYỄN VĂN KHÁNH	Tổ phó tổ hiện trường	3.800
52	HUỖNH XUÂN VINH	Tổ phó tổ hiện trường	3.800
53	TRƯƠNG NGỌC HIẾU	Tổ phó tổ tài liệu hàng xuất	3.500
54	ĐẶNG THỊ TUYẾT LAN	Tổ phó tổ tài liệu hàng xuất	3.800
55	NGUYỄN THÁI BẢO	Tổ phó tổ hiện trường hàng xuất	3.300
56	NGUYỄN VĂN HẢI	Tổ phó tổ hiện trường hàng xuất	4.100
57	KPÃ MẠNH HÙNG	Tổ phó tổ hiện trường hàng xuất	4.100
58	NGUYỄN DUY NAM	Tổ phó tổ hiện trường hàng xuất	4.100
59	TRỊNH QUANG TRƯỜNG	Tổ phó tổ hiện trường hàng xuất	3.000
60	ĐOÀN THANH MINH	Tổ phó tổ tài liệu hàng nhập và phục vụ khách hàng	4.100
61	LÊ TRUNG THÀNH	Tổ phó tổ tài liệu hàng nhập và phục vụ khách hàng	3.000
62	NGUYỄN ANH TUẤN	Tổ phó tổ tài liệu hàng nhập và phục vụ khách hàng	3.800
63	LÊ NGỌC HÀ	Tổ phó tổ hiện trường hàng nhập	3.800
64	NGUYỄN HOÀI QUANG	Tổ phó tổ hiện trường hàng nhập	3.800
65	ĐẶNG HÙNG VƯƠNG	Tổ phó tổ hiện trường hàng nhập	3.800
66	ĐẶNG XUÂN HIỆP	Tổ phó tổ nghiệp vụ sân đỗ (Ramp)	4.100
67	NGUYỄN ANH NGỌC	Tổ phó tổ nghiệp vụ sân đỗ (Ramp)	4.100
68	NGUYỄN ĐÔNG QUAN	Tổ phó tổ nghiệp vụ sân đỗ (Ramp)	3.500
69	PHAN DŨNG MINH	Tổ trưởng tổ lái xe	3.000
70	LÊ HOÀNG THIỆN	Tổ trưởng tổ công nhân	3.000
71	TRẦN QUANG VINH	Tổ trưởng tổ lái xe hàng xuất	3.000
72	VÕ VĂN CƯỜNG	Tổ trưởng tổ công nhân hàng xuất	2.800
73	VŨ TRỌNG HIỀN	Tổ trưởng tổ công nhân hàng xuất	2.800
74	LÊ DUY HỢP	Tổ trưởng tổ công nhân hàng xuất	2.800
75	TRẦN ĐỨC MINH	Tổ trưởng tổ lái xe hàng nhập	3.000
76	NGUYỄN THÀNH QUAN	Tổ trưởng tổ công nhân hàng nhập	2.800
77	TRẦN TÈO	Tổ trưởng tổ công nhân hàng nhập	3.000
78	PHAN TẤN TÀI	Tổ trưởng tổ lái xe Ramp	2.300
79	LA QUỐC PHÚ	Tổ trưởng tổ công nhân Ramp	2.800
80	NGUYỄN VĂN HIỀN	Tổ phó tổ lái xe	2.800
81	TIẾT GIÀU	Tổ phó tổ công nhân	2.800
82	NGUYỄN THANH PHONG	Tổ phó tổ công nhân	2.800
83	HOÀNG TRẦN TRỌNG TÍN	Tổ phó tổ lái xe hàng xuất	2.800
84	TRẦN MINH KHA	Tổ trưởng Kế toán tài sản	4.300
85	TRẦN VĂN KHANG	Tổ trưởng kỹ thuật	3.800
86	HUỖNH VŨ QUYÊN	Tổ trưởng tổ hành chính nhân sự	3.800
87	NGUYỄN TRẦN NGHĨA	Tổ trưởng Camera	3.300
88	VÕ MINH TÂM	Tổ trưởng cấp phát thẻ	3.500
89	NGUYỄN ANH TUẤN	Tổ phó An ninh nội bộ	2.800
90	VƯƠNG VĂN MINH	Ca trưởng kỹ thuật	1.200
91	LÊ XUÂN THUẬN	Ca trưởng kỹ thuật	2.000
92	TRƯƠNG VĂN HÒA	Ca trưởng kỹ thuật	2.500

STT	Họ tên	Chức vụ / Đơn vị công tác	SLCP đã phát hành
93	NGUYỄN THANH MỘNG	Ca trưởng kỹ thuật	2.500
94	TRẦN VĂN PHƯỚC	Ca trưởng kỹ thuật	2.500
95	NGUYỄN THANH SƠN	Ca trưởng kỹ thuật	2.500
96	NGUYỄN VŨ MINH THIỆN	Ca trưởng kỹ thuật	2.500
97	NGUYỄN QUỐC VIỆT	Ca trưởng kỹ thuật	2.500
98	NGUYỄN MINH XONG	Ca trưởng kỹ thuật	2.500
99	BÙI ĐĂNG HỒNG	Ca trưởng Camera	2.300
100	LÊ MINH HUY	Ca trưởng An ninh nội bộ	1.700
101	HOÀNG VĂN MINH	Ca trưởng An ninh nội bộ	2.000
102	LÂM HÙNG NHỰT	Ca trưởng An ninh nội bộ	2.300
103	VŨ PHÚC	Ca trưởng An ninh nội bộ	2.000
104	NGUYỄN XUÂN TÙNG	Ca trưởng An ninh nội bộ	2.500
105	TRẦN ĐỨC TÂM	Ca trưởng An ninh nội bộ	2.500
106	TRẦN HOÀNG ANH TÚ	Ca trưởng An ninh nội bộ	2.300
107	VƯƠNG ĐÌNH CƯỜNG	Nhóm trưởng hạ tầng Công nghệ thông tin	3.000
108	NGUYỄN VŨ VIỆT NAM	Nhóm trưởng hệ thống Hermes	3.300
F	NHÂN VIÊN XUẤT SẮC, TIỀM NĂNG		96.700
109	TRẦN THỊ THU HIỀN	Phòng Kế toán	1.400
110	LÊ THỊ NGỌC YẾN	Phòng Kế toán	1.900
111	ĐẶNG THỊ THU HÀ	Phòng Tổng hợp	1.400
112	NGUYỄN HOÀNG LỘC	Phòng Công nghệ thông tin	1.400
113	NGUYỄN XUÂN TUẤN ANH	Phòng Đào tạo & Quy chuẩn/ANAT	1.400
114	PHẠM THỊ TRÀ MY	Phòng Tiếp vận	1.400
115	NGUYỄN KIM LOAN	Phòng Tiếp vận	1.400
116	HỒNG ĐÌNH DUY	Phòng Tiếp vận	1.400
117	TRẦN ANH HOÀNG	Phòng Tiếp vận	1.400
118	DƯƠNG TRẦN ĐẠI LONG	Phòng Tiếp vận	1.400
119	LÊ MINH PHÁT	Phòng Tiếp vận	1.900
120	NGUYỄN TẤN PHÁT	Phòng Tiếp vận	1.100
121	PHẠM THANH HOÀNG	Phòng Tiếp vận	1.400
122	NGUYỄN TẤN ĐẠT	Phòng Tiếp vận	1.100
123	NGUYỄN HOÀI TRUNG	Phòng Tiếp vận	1.400
124	TRIỆU NGUYỄN VIỆT BÌNH	Phòng Tiếp vận	1.400
125	NGUYỄN PHƯỚC QUANG	Phòng Tiếp vận	1.400
126	NGUYỄN ĐỨC HẬU	Phòng Tiếp vận	1.900
127	NGUYỄN THẾ VŨ	Phòng Tiếp vận	1.400
128	TRẦN HỮU THẮNG	Phòng Tiếp vận	1.400
129	NGUYỄN PHƯỚC HUÂN PHONG	Phòng Tiếp vận	1.900
130	HUỲNH TRƯƠNG PHI HẢO	Phòng Tiếp vận	1.400
131	TRẦN VĂN NHỰT	Phòng Tiếp vận	1.900
132	PHẠM ANH THỊ	Phòng Tiếp vận	1.900
133	ĐẶNG BÙI NGỌC THÚY	Phòng Khai thác	1.400
134	VŨ THỊ THU HƯƠNG	Phòng Khai thác	1.400
135	NGUYỄN TRUNG ANH	Phòng Khai thác	1.100
136	NGUYỄN TRỌNG TRÍ	Phòng Khai thác	1.100
137	LÊ MINH PHÁT	Phòng Khai thác	1.600
138	NGÔ THANH TRUNG	Phòng Khai thác	1.600
139	NGUYỄN HOÀNG LONG	Phòng Khai thác	1.100
140	NGUYỄN VĂN CẢNH	Phòng Khai thác	2.500
141	LÊ MINH HÀ	Phòng Khai thác	2.100
142	NGUYỄN THANH THUẬN	Phòng Khai thác	1.100
143	PHẠM VĂN CÔNG	Phòng Khai thác	1.900

STT	Họ tên	Chức vụ / Đơn vị công tác	SLCP đã phát hành
144	HỒ XUÂN MINH NGUYỄN	Phòng Khai thác	2.300
145	NGUYỄN XUÂN LAM	Phòng Khai thác	1.400
146	PHẠM TRƯỜNG DUY KHOA	Phòng Khai thác	2.300
147	NGUYỄN NGỌC THỦY DUNG	Phòng Khai thác	2.300
148	MAI THỊ CẨM LIÊN	Phòng Khai thác	1.400
149	VÕ THỤY ANH THU	Phòng Khai thác	1.900
150	NGUYỄN VĂN CÔNG	Phòng Quản lý thiết bị	2.300
151	UÔNG THỊ HỒNG MINH	Phòng Tổng hợp	1.900
152	HUYỀN TÚ	Phòng Tiếp vận	1.400
153	NGUYỄN MINH HÙNG	Phòng Tiếp vận	1.900
154	NGUYỄN VĂN THỊNH	Phòng Khai thác	2.300
155	HUỲNH THỊ NGỌC NGHĨA	Phòng Khai thác	1.900
156	HỒ ANH TUẤN	Phòng Khai thác	1.400
157	NGUYỄN QUỐC LÂM	Phòng Khai thác	1.900
158	VĂN PHẠM QUỐC TRÍ	Phòng Khai thác	2.300
159	ĐẶNG THANH HÀ	Phòng Khai thác	2.300
160	ĐÀO TÚ	Phòng Khai thác	2.300
161	NGUYỄN TRUNG NAM	Phòng Khai thác	1.900
162	LÊ NGỌC THỊNH	Phòng Khai thác	1.900
163	NGUYỄN THÔNG XUÂN NGUYỄN	Phòng Khai thác	2.300
164	CAO VĂN TRƯỜNG	Phòng Khai thác	1.900
165	LÝ HỒNG THANH CHƯƠNG	Phòng Khai thác	2.300
	Tổng cộng		1.020.700

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Khánh



**SAIGON CARGO SERVICE
CORPORATION**

No.: SCSC26/UBCK/BC/340

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

Ho Chi Minh City, June 16th, 2026

REPORT

Results of Share Issuance under the Employee Stock Ownership Plan

To: State Securities Commission

I. INTRODUCTION OF THE ISSUING ORGANIZATION

1. Name of the Issuing Organization (*full name*): Saigon Cargo Service Corporation
2. Abbreviated Name: SCSC CORP.
3. Head Office Address: 30 Phan Thuc Duyen, Tan Son Nhat Ward, Ho Chi Minh City
4. Telephone Number: (028) 3997 6930 - Fax: (028) 3997 6840 - Website: <https://www.scsc.vn>
5. Charter Capital: VND 1,020,769,820,000.
6. Stock Code: SCS
7. Payment Account Location: Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (Vietinbank) – Branch 2
Account Number: 116002870018
8. Enterprise Registration Certificate No. 0305654014 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City, first issued on April 8, 2008, and amended for the 19th time on May 10, 2024
 - Main Business line: Cargo handling (*details: Freight forwarding services, cargo handling*) – Business line code 5224.
 - Main Products/Services: Freight forwarding services, cargo handling.
9. Establishment and Operation License (*if required by specialized law*): Investment Registration Certificate Project Code No. 41121000112 issued by the People's Committee of Ho Chi Minh City, first issued on April 20, 2009.

II. ISSUANCE PLAN

1. Name of Shares: Shares of Saigon Cargo Service Corporation
2. Type of Shares: Common Shares.
3. Number of Shares Prior to Issuance:
 - Total number of issued shares: 102,076,982 shares.
 - Number of outstanding shares: 102,076,982 shares.
 - Number of treasury shares: 0 shares.
4. Number of Shares Expected to be issued: 1,020,700 shares, equivalent to 1.0% of the total number of outstanding shares.



5. Transfer Restriction Period: All shares issued under the employee stock ownership plan will be subject to transfer restrictions as follows:
- Year 1 (*within 12 months from the end of the issuance period*): 100% of the issued shares are restricted from transfer;
 - Year 2 (*within the next 12 months*): 50% of the issued shares are restricted from transfer.
6. Issuance Price (*in case of selling shares to employees*): VND 10,000 per share.
7. Source of issuance funds (*in the case of issuing bonus shares to employees*): None.
8. End date of the issuance: June 12, 2026.
9. Expected date of share transfer: Expected in June – July 2026, after the Company completes the procedures for additional securities registration at Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (“*VSDC*”) and registers the additional listing of shares at Hochiminh Stock Exchange.

III. RESULTS OF SHARE ISSUANCE

1. Number of shares distributed: 1,020,700 shares, equivalent to 100% of the total number of shares expected to be issued.
2. Number of employees distributed: 165 employees.
3. Total number of shares after the issuance (June 12, 2026): 103,097,682 shares, of which:
 - Number of outstanding shares: 103,097,682 shares;
 - Number of treasury shares: 0 shares.

IV. ATTACHED DOCUMENTS

1. List of employees participating in the program;
2. Resolution of the Board of Management No. SCSC26/HĐQT/NQ/05 dated June 15th, 2026 approving the results of share issuance under the employee stock ownership plan for 2026;
3. Bank confirmation document where the escrow account is opened regarding the funds collected from the issuance;
4. Other documents.

**SAIGON CARGO SERVICE CORPORATION
LEGAL REPRESENTATIVE**

General Director



Nguyen Quoc Khanh



**SAI GON CARGO
SERVICE CORPORATION**

LIST OF EMPLOYEES PARTICIPATING IN THE 2026 ESOP PROGRAM

*(Attached to the Report on the Results of the Issuance of Shares
under the Employee Stock Ownership Plan (ESOP) No. SCSC26/UBCK/BC/340 dated June 16, 2026)*

No.	Full name	Position / Department	Number of shares issued
A	BOARD OF MANAGEMENT AND MANAGING DIRECTOR		200.000
1	BÙI THỊ THU HƯƠNG	Chairman of the Board of Management	29.500
2	TẠ THU HÀ	Member of the Board of Management	24.200
3	MAI XUÂN CẢNH	Member of the Board of Management	24.200
4	CHU TRUNG KIÊN	Member of the Board of Management	24.200
5	NGUYỄN NGỌC QUÝ	Member of the Board of Management	24.200
6	ĐOÀN NGỌC CƯƠNG	Member of the Board of Management	24.200
7	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	Member of the Board of Management cum Managing Director	49.500
B	SUPERVISORY BOARD		40.000
8	VŨ THỊ HOÀNG BẮC	Head of the Supervisory Board	16.600
9	KHOA NĂNG LƯU	Member of the Supervisory Board	11.700
10	TRƯƠNG MINH SANG	Member of the Supervisory Board	11.700
C	DEPUTY MANAGING DIRECTOR AND CHIEF ACCOUNTANT		97.000
11	TÔ HIỂN PHƯỢNG	Deputy Managing Director	33.700
12	NGUYỄN THÁI SƠN	Deputy Managing Director	33.700
13	NGÔ THỊ ANH THƯ	Chief Accountant	29.600
D	BOM SECRETARY AND DEPARTMENT-LEVEL MANAGEMENT		260.000
14	NGUYỄN HOÀNH HẢI	Equipment Management Department Senior Manager	25.400
15	PHẠM QUANG HẢI	General Affairs Department Senior Manager- BOM Secretary	30.300
16	NGUYỄN HUỲNH QUYÊN	General Affairs Department Manager	23.400
17	DƯƠNG DUY MINH	Information Technology Department Senior Manager	25.200
18	HUỲNH HỮU HIỀN	Logistics Department Senior Manager	27.300
19	NGUYỄN DUY CHÂU	Technical Department Senior Manager	25.400
20	NGÔ TRỊNH KIÊN KHIÊM	Operation Department Manager	24.900
21	MAI HỮU DUY THỨC	Operation Department Senior Manager	29.800
22	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Manager in charge of Safety and Security	23.400
23	NHIÊU TRIỀU NAM	Senior Manager of Training & Standards – Safety & Security Department	24.900
E	UNIT-LEVEL MANAGEMENT		327.000
24	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	General Accounting Section Head	6.400
25	NGUYỄN THỊ HÒA	Tax Accounting Section Header	6.400
26	NGUYỄN NGỌC KHƯƠNG	Domestic Terminal Section Head	7.400
27	LÊ UYÊN PHƯƠNG	Customs Procedures Section Head	7.400
28	HUỲNH VĂN TỰ	Electrical & Refrigeration Section Head	6.400
29	HUỲNH ĐĂNG KHOA	Export Cargo Section Head	7.800
30	PHẠM NGỌC THIÊN	Export Cargo Section Head	7.800
31	NINH ĐỨC THUẬN	Deputy Head of Export Cargo Section	5.600
32	NGUYỄN HỮU HIỂU	Import Cargo Section Head	7.300
33	DƯƠNG DUY KIÊN	Deputy Head of Import Cargo Section	5.300
34	ĐỖ MINH QUẢNG	Import Cargo Section Head	7.800
35	CHU QUỐC TRUNG	Ramp Section Head	7.800
36	HUỲNH QUANG VINH	Head of Safety & Security Section cum Trade Union Chairman	6.600
37	NGUYỄN VĂN DŨNG	Deputy Head of Quality Management Section	5.900
38	LÊ CHIỂU	Customs Procedures Supervisor	4.100
39	TRẦN THỊ THU HÀ	Domestic Documentation Supervisor	4.300
40	BÙI ĐỨC CƯỜNG	Domestic Operation Supervisor	4.300
41	NGUYỄN CHÍ MINH	Special Cargo Supervisor	4.100
42	NGUYỄN THỊ LÀN	Export Documentation Supervisor	4.600
43	VŨ SƠN HẢI	Export Operation Supervisor	4.600
44	KHƯƠNG THÚY KIỀU	Import Documentation and Customer Service Supervisor	4.100

No.	Full name	Position / Department	Number of shares issued
45	ĐỖ TRỌNG HOÀNG	Import Operation Supervisor	4.300
46	TRẦN NGỌC MINH	Ramp Operation Supervisor	4.600
47	TRẦN THU TRANG	Trading Supervisor	4.600
48	TRẦN PHẠM THU NGUYỆT	Domestic Documentation Supervisor Assistant	3.800
49	TRẦN HỮU PHƯỚC	Domestic Documentation Supervisor Assistant	3.500
50	PHẠM QUANG HUY	Domestic Operation Supervisor Assistant	4.100
51	NGUYỄN VĂN KHÁNH	Domestic Operation Supervisor Assistant	3.800
52	HUỖNH XUÂN VINH	Domestic Operation Supervisor Assistant	3.800
53	TRƯƠNG NGỌC HIẾU	Export Documentation Supervisor Assistant	3.500
54	ĐẶNG THỊ TUYẾT LAN	Export Documentation Supervisor Assistant	3.800
55	NGUYỄN THÁI BẢO	Export Operation Supervisor Assistant	3.300
56	NGUYỄN VĂN HẢI	Export Operation Supervisor Assistant	4.100
57	KPÁ MẠNH HÙNG	Export Operation Supervisor Assistant	4.100
58	NGUYỄN DUY NAM	Export Operation Supervisor Assistant	4.100
59	TRỊNH QUANG TRƯỜNG	Export Operation Supervisor Assistant	3.000
60	ĐOÀN THANH MINH	Import Documentation and Customer Service Supervisor Assistant	4.100
61	LÊ TRUNG THÀNH	Import Documentation and Customer Service Supervisor Assistant	3.000
62	NGUYỄN ANH TUẤN	Import Documentation and Customer Service Supervisor Assistant	3.800
63	LÊ NGỌC HÀ	Import Operation Supervisor Assistant	3.800
64	NGUYỄN HOÀI QUANG	Import Operation Supervisor Assistant	3.800
65	ĐẶNG HÙNG VƯƠNG	Import Operation Supervisor Assistant	3.800
66	ĐẶNG XUÂN HIỆP	Ramp Operation Supervisor Assistant	4.100
67	NGUYỄN ANH NGỌC	Ramp Operation Supervisor Assistant	4.100
68	NGUYỄN ĐÔNG QUAN	Ramp Operation Supervisor Assistant	3.500
69	PHAN DŨNG MINH	Domestic Vehicle Operation Supervisor	3.000
70	LÊ HOÀNG THIỆN	Domestic Porter Supervisor	3.000
71	TRẦN QUANG VINH	Export Vehicle Operation Supervisor	3.000
72	VÕ VĂN CƯỜNG	Export Porter Supervisor	2.800
73	VŨ TRỌNG HIỀN	Export Porter Supervisor	2.800
74	LÊ DUY HỢP	Export Porter Supervisor	2.800
75	TRẦN ĐỨC MINH	Import Vehicle Operation Supervisor	3.000
76	NGUYỄN THÀNH QUAN	Import Porter Supervisor	2.800
77	TRẦN TÈO	Import Porter Supervisor	3.000
78	PHAN TÂN TÀI	Ramp Vehicle Operation Supervisor	2.300
79	LA QUỐC PHÚ	Ramp Porter Supervisor	2.800
80	NGUYỄN VĂN HIỀN	Domestic Vehicle Operation Supervisor Assistant	2.800
81	TIẾT GIÀU	Domestic Vehicle Operation Supervisor Assistant	2.800
82	NGUYỄN THANH PHONG	Domestic Porter Supervisor Assistant	2.800
83	HOÀNG TRẦN TRỌNG TÍN	Export Vehicle Operation Supervisor Assistant	2.800
84	TRẦN MINH KHA	Fixed Asset Accounting Supervisor	4.300
85	TRẦN VĂN KHANG	Technical Supervisor	3.800
86	HUỖNH VŨ QUYÊN	Administration & Human Resources Supervisor	3.800
87	NGUYỄN TRẦN NGHĨA	Camera Supervisor	3.300
88	VÕ MINH TÂM	Access Control Supervisor	3.500
89	NGUYỄN ANH TUẤN	Security Supervisor Assistant	2.800
90	VƯƠNG VĂN MINH	Technical Chief of shift	1.200
91	LÊ XUÂN THUẬN	Technical Chief of shift	2.000
92	TRƯƠNG VĂN HÒA	Technical Chief of shift	2.500
93	NGUYỄN THANH MỘNG	Technical Chief of shift	2.500
94	TRẦN VĂN PHƯỚC	Technical Chief of shift	2.500
95	NGUYỄN THANH SƠN	Technical Chief of shift	2.500
96	NGUYỄN VŨ MINH THIỆN	Technical Chief of shift	2.500
97	NGUYỄN QUỐC VIỆT	Technical Chief of shift	2.500
98	NGUYỄN MINH XONG	Technical Chief of shift	2.500
99	BÙI ĐĂNG HỒNG	Camera Chief of shift	2.300
100	LÊ MINH HUY	Security Chief of shift	1.700
101	HOÀNG VĂN MINH	Security Chief of shift	2.000

No.	Full name	Position / Department	Number of shares issued
102	LÂM HÙNG NHỰT	Security Chief of shift	2.300
103	VŨ PHÚC	Security Chief of shift	2.000
104	NGUYỄN XUÂN TÙNG	Security Chief of shift	2.500
105	TRẦN ĐỨC TÂM	Security Chief of shift	2.500
106	TRẦN HOÀNG ANH TÚ	Security Chief of shift	2.300
107	VƯƠNG ĐÌNH CƯỜNG	Chief of shift of Information Technology Infrastructure	3.000
108	NGUYỄN VŨ VIỆT NAM	Chief of shift Hermes System	3.300
F	OUTSTANDING AND HIGH-POTENTIAL EMPLOYEES		96.700
109	TRẦN THỊ THU HIỀN	Accounting Department	1.400
110	LÊ THỊ NGỌC YẾN	Accounting Department	1.900
111	ĐẶNG THỊ THU HÀ	General Affairs Department	1.400
112	NGUYỄN HOÀNG LỘC	Information Technology Department	1.400
113	NGUYỄN XUÂN TUẤN ANH	Training & Standards Department / ANAT	1.400
114	PHẠM THỊ TRÀ MY	Logistics Department	1.400
115	NGUYỄN KIM LOAN	Logistics Department	1.400
116	HÔNG ĐÌNH DUY	Logistics Department	1.400
117	TRẦN ANH HOÀNG	Logistics Department	1.400
118	DƯƠNG TRẦN ĐẠI LONG	Logistics Department	1.400
119	LÊ MINH PHÁT	Logistics Department	1.900
120	NGUYỄN TẤN PHÁT	Logistics Department	1.100
121	PHẠM THANH HOÀNG	Logistics Department	1.400
122	NGUYỄN TẤN ĐẠT	Logistics Department	1.100
123	NGUYỄN HOÀI TRUNG	Logistics Department	1.400
124	TRIỆU NGUYỄN VIỆT BÌNH	Logistics Department	1.400
125	NGUYỄN PHƯỚC QUANG	Logistics Department	1.400
126	NGUYỄN ĐỨC HẬU	Logistics Department	1.900
127	NGUYỄN THẾ VŨ	Logistics Department	1.400
128	TRẦN HỮU THẮNG	Logistics Department	1.400
129	NGUYỄN PHƯỚC HUÂN PHONG	Logistics Department	1.900
130	HUỶNH TRƯỞNG PHI HẢO	Logistics Department	1.400
131	TRẦN VĂN NHỰT	Logistics Department	1.900
132	PHẠM ANH THỊ	Logistics Department	1.900
133	ĐẶNG BÙI NGỌC THÚY	Operation Department	1.400
134	VŨ THỊ THU HƯƠNG	Operation Department	1.400
135	NGUYỄN TRUNG ANH	Operation Department	1.100
136	NGUYỄN TRỌNG TRÍ	Operation Department	1.100
137	LÊ MINH PHÁT	Operation Department	1.600
138	NGÔ THANH TRUNG	Operation Department	1.600
139	NGUYỄN HOÀNG LONG	Operation Department	1.100
140	NGUYỄN VĂN CẢNH	Operation Department	2.500
141	LÊ MINH HÀ	Operation Department	2.100
142	NGUYỄN THANH THUẬN	Operation Department	1.100
143	PHẠM VĂN CÔNG	Operation Department	1.900
144	HỒ XUÂN MINH NGUYỄN	Operation Department	2.300
145	NGUYỄN XUÂN LAM	Operation Department	1.400
146	PHẠM TRƯỜNG DUY KHOA	Operation Department	2.300
147	NGUYỄN NGỌC THUY DUNG	Operation Department	2.300
148	MAI THỊ CẨM LIÊN	Operation Department	1.400
149	VÕ THUY ANH THƯ	Operation Department	1.900
150	NGUYỄN VĂN CÔNG	Equipment Management Department	2.300
151	UÔNG THỊ HỒNG MINH	General Affairs Department	1.900
152	HUYỀN TÚ	Logistics Department	1.400
153	NGUYỄN MINH HÙNG	Logistics Department	1.900
154	NGUYỄN VĂN THỊNH	Operation Department	2.300
155	HUỶNH THỊ NGỌC NGHĨA	Operation Department	1.900
156	HỒ ANH TUẤN	Operation Department	1.400
157	NGUYỄN QUỐC LÂM	Operation Department	1.900
158	VĂN PHẠM QUỐC TRÍ	Operation Department	2.300
159	ĐẶNG THANH HÀ	Operation Department	2.300
160	ĐÀO TÚ	Operation Department	2.300

No.	Full name	Position / Department	Number of shares issued
161	NGUYỄN TRUNG NAM	Operation Department	1.900
162	LÊ NGỌC THỊNH	Operation Department	1.900
163	NGUYỄN THÔNG XUÂN NGUYỄN	Operation Department	2.300
164	CAO VĂN TRƯỜNG	Operation Department	1.900
165	LÝ HỒNG THANH CHƯỜNG	Operation Department	2.300
	Total		1.020.700

SAIGON CARGO SERVICE CORPORATION
MANAGING DIRECTOR



Nguyễn Quốc Khánh

